TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 12-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Vũ** và bà **Lầu Thị Liên**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông **Lê Thành Công**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hờ A T, sinh năm 1975, tại huyện M, tỉnh Yên Bái.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Hờ Sái S, đã chết; Con bà: Thào Thị M, sinh năm 1950.

Bị cáo có vợ Giàng Thị N, sinh năm 1979 và 05 con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo bị Tòa án xét xử đã được xóa án tích, bị cáo không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2019, tạm giam ngày 21/01/2019, có mặt.

2. Lầu A S, sinh năm 1968, tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản N 2, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới T: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lầu Là V (tên gọi khác Lầu A S), đã chết.

Con bà: Hờ Thị S, đã chết.

Bị cáo có vợ Giàng Thị S, sinh năm 1969 và 04 con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2019, tạm giam ngày 21/01/2019, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Hờ A T:** Ông Phùng Việt H, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người phiên dịch cho bị cáo Lầu A S:** Ông Hồ A D, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 19/01/2019, Lầu A S ở bản N 2, xã N, huyện N gọi điện thoại cho Hờ A T ở bản N 1, xã N, huyện N với nội dung: T có thuốc phiện không thì mang 5 lạng xuống bán cho một người đang muốn mua thuốc phiện và đang chờ ở nhà S. Sẵn có thuốc phiện mà T mua hết 1.000.000 đồng ở khu vực mốc biên giới Việt Nam - Lào vào ngày 12/01/2019, bị cáo mặc cả với S là nếu bán được 100.000 đồng một chỉ thì bị cáo mang xuống. Lầu A S nhất trí và bảo T có bao nhiêu thuốc phiện thì mang xuống sẽ mua hết. Hờ A T liền chia số thuốc phiện đang có trong nhà ra làm 3 gói cho vào túi quần bên phải rồi cầm theo một chiếc cân tiểu ly cho vào túi quần bên trái đi xuống nhà S. Đến nơi, bị cáo thấy S và một người đàn ông lạ mặt trong nhà S. Người đàn ông hỏi T lấy thuốc phiện ra cân xem được bao nhiêu chỉ. T lấy một gói thuốc phiện gói bằng nilon màu trắng cho người đàn ông lạ mặt xem đồng thời đưa chiếc cân tiểu ly cho S cầm. Xem xong người đàn ông đưa gói thuốc phiện cho S để S cân. Hờ A T tiếp tục lấy một gói thuốc phiện gói bằng giấy bạc cầm sẵn trên tay để đưa cho S cân. Ngay lúc đó tổ công tác Công an huyện N và Công an xã N đến nhà Lầu A S bắt quả tang. Người đàn ông lạ mặt thấy tổ công tác thì chạy qua cửa sau ra ngoài rồi đi đâu không rõ. Lầu A S chạy ra phía cửa ném gói thuốc phiện đang cầm ra vườn trước cửa nhà. Tổ công tác giữ T và S lại, đồng thời yêu cầu Lầu A S ra nhặt gói thuốc phiện ngoài vườn vào giao nộp cho tổ công tác. Sau khi kiểm

tra, tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng vật chứng là 03 gói thuốc phiện, trong đó có một gói S nhặt ngoài vườn vào giao nộp, một gói T cầm trên tay và một gói bằng ni lông màu xanh trong túi quần T đang mặc. Tổ công tác cũng lập biên bản để tạm giữ các vật chứng là cân tiểu ly tự tạo và hai chiếc điện thoại của S và T đã dùng liên lạc hẹn nhau để bán ma túy.

Cáo trạng số 25/CT-VKSNP ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Hờ A T và Lầu A Svề tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Hờ A T từ 36 đến 42 tháng tù; tuyên phạt bị cáo Lầu A S từ 36 đến 42 tháng tù đều về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo Hờ A T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo T và bị cáo S nhất trí với bản cáo trạng. Bị cáo T nhất trí với bản luận tội và lời bào chữa của Luật sư bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 15 giờ 00 phút ngày 19/01/2019 bút lục 01 đến 02, người bị bắt Hờ A T, Lầu A S khai nhận đã bị tổ công tác Công an huyện N và Công an xã N bắt quả tang thu giữ 03 gói ni lông. Mở bên trong các gói đều chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen, mùi hắc nghi là thuốc phiện. Vật chứng bị thu giữ, các bị cáo Hờ A T, Lầu A S khai và thừa nhận là của bị cáo T mang đến nhà bị cáo S với mục đích bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 09 giờ 15 phút ngày 21/01/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 40, 41 thì tổng khối lượng các gói vật chứng thu

giữ khi bắt quả tang bị cáo Hờ A T, Lầu A S là 217,27 gam, trích mẫu gửi giám định 15,71 gam.

Kết luận giám định số 249/GĐ-PC09 ngày 29/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 46 kết luận mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của Hờ A T và Lầu A S gửi giám định là chất ma túy loại Thuốc phiện. Thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 398, mục IID, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2013/HSST ngày 21/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện N bút lục số 66, 67 chứng minh Hờ A T đã bị Tòa án nhân dân huyện M xét xử phạt bị cáo 35 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 08/GCN ngày 03/8/2015 của Trại giam Yên Hạ bút lục số 69 chứng nhận bị cáo Hờ A T đã chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại bản N 1, xã N, huyện M (nay là huyện N) từ trước ngày 10/8/2015. Chứng cứ chứng minh ngày 19/01/2019 bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong thời gian đã đương nhiên được xóa án tích.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can của Hờ A T từ bút lục số 85 đến 88; từ 93 đến 104; Lời khai của Lầu A S từ bút lục số 89 đến 92; từ 105 đến 116 chứng minh bị cáo Hờ A T đã mang thuốc phiện đến nhà Lầu A S để bán cho người khác. Khối lượng thuốc phiện, giá bán đều được bị cáo S thống nhất với bị cáo T.

Bản Kết luận điều tra số 29/KLĐT ngày 18/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tại các bút lục từ 117 đến 120 kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra vụ án hình sự đến Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị truy tố các bị can Hờ A T và Lầu A S ra công khai trước pháp luật về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy các bị cáo Hờ A T và Lầu A S có tội. Bị cáo T đã bàn bạc và thống nhất với bị cáo S để cùng nhau bán thuốc phiện cho một người đàn ông mà các bị cáo không rõ lai lịch. Chứng cứ xác định các bị cáo đã phạm vào tội Mua bán trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm với nhau, trong đó bị cáo S là người khởi sướng, bị cáo T là người có thuốc phiện và cùng mục đích với bị cáo S. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hờ A T và Lầu A S có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về T chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Hờ A T và Lầu A S là 217,27 gam Thuốc phiện. Bị cáo Lầu A S phải chịu trách nhiệm hình sự trên tổng khối lượng Thuốc phiện đã thu giữ do bị cáo đã thống nhất về khối lượng ma túy với bị cáo Hờ A T.

Khối lượng ma túy các bị cáo mua bán dưới 500 gam, cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 của Điều 251 Bộ luật hình sự. Tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và ở khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù.

[3] Về nhân thân của các bị cáo:

Các bị cáo đều sinh ra và lớn lên trong gia đình nông dân thuần túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán ma túy là vi phạm pháp luật nhưng do ham lợi nhuận, muốn kiếm tiền nhanh chóng bằng hành vi phi pháp. Đây là nguyên nhân chính để các bị cáo phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lầu A S không có án tích nên không có tình tiết tăng nặng nào. Bị cáo Hờ A T bị Tòa án nhân dân huyện M xét xử 35 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 21/5/2013. Bản án này bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính từ ngày 03/8/2015. Ngày 19/01/2019, bị cáo thực hiện hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 2 của Điều 70 Bộ luật hình sự thì bị cáo T đã đương nhiên được xóa án tích của bản án nêu trên. Do vậy lần phạm tội này Hờ A T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đề nghị của Luật sư bào chữa đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

[6] Về T hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 251Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn, các bị cáo không giữ chức vụ gì trong xã hội. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Hờ A T và Lầu A S.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng là 217,27 gam Thuốc phiện, trích mẫu gửi giám định 15,71 gam không hoàn lại đối tượng; một chiếc cân tiểu ly tự tạo là phương tiện các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Các vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vật chứng là hai chiếc điện thoại cơ quan điều tra tạm giữ của các bị cáo là phương tiện các bị cáo liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội. Vật chứng bị tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho các bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[11] Các vấn đề khác:

Đối với nguồn gốc số Thuốc phiện bị thu giữ, Hờ A T khai nhận mua của một người đàn ông bị cáo không rõ lai lịch ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối tượng lạ mặt thấy tổ công tác thì chạy qua cửa sau ra ngoài rồi đi đâu không rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Hờ A T** và **Lầu A S** đều phạm tội **"Mua bán trái phép chất ma tuý".**

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo **Hờ A T 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 19/01/2019.

- Xử phạt bị cáo **Lầu A S 03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 19/01/2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 217,27 gam Thuốc phiện, trích mẫu gửi giám định 15,71 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng còn lại 201,56 gam Thuốc phiện cùng phong bì niêm phong; toàn bộ phần giấy nilon cũ được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/5/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Tịch thu tiêu hủy một cân tiểu ly tự chế được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/5/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước hai chiếc điện thoại tạm giữ của Hờ A T và Lầu A S. Một điện thoại nhãn hiệu NOKIA loại bàn phím có màu đen, đỏ, bạc đã qua sử dụng và một điện thoại nhãn hiệu GIONEE loại bàn phím có màu bạc đã qua sử dụng. Hai chiếc điện thoại được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 15/5/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Hờ A T, Lầu A S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 12/7/2019.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Lưu.

Nguyễn Mạnh Huấn